

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 12-4-2024

V/v ly hôn; tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Ngô Thị Luân
- Bà Trần Thị Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Cương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 469/2023/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Ka S**, sinh năm 1997.

Địa chỉ: **số D, thôn Đ, xã S, huyện D, tỉnh Lâm Đồng**. Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: anh **Trần Đình C**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: **thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng**. Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn, nguyên đơn chị **Ka S** trình bày thì:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh **Trần Đình C** xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **S, huyện D, tỉnh Lâm Đồng** vào ngày 13/3/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh **C** nhiều lần có hành vi dùng lời lẽ xúc phạm chị, gây bạo lực cho chị. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên can, chị cũng đã tha thứ cho anh **C** nhiều lần nhưng anh **C** không thay đổi. Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài nên vợ chồng chị đã sống ly thân nhau 03 tháng nay. Do vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **C**.

Về con chung: vợ chồng chị có con chung tên là **Trần Đình C1**, sinh ngày 30/8/2017, **Trần Thanh Bình C2**, sinh ngày 17/11/2019. Khi ly hôn, chị đồng ý giao cả hai con chung cho anh **C** trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: vợ chồng chị không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng chị không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị **Ka S** không trình bày gì thêm.

*Bị đơn anh **Trần Đình C** trình bày tại bản tự khai ngày 07/3/2024 thì:*

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị **Ka S** chung sống với nhau từ năm 2018 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **S**, huyện **D**, tỉnh **Lâm Đồng** vào ngày 13/3/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống tại xã **S**, huyện **D**, tỉnh **Lâm Đồng** một thời gian. Đến năm 2019, vợ chồng anh chuyển lên sinh sống tại thành phố **D**. Đến năm 2023, vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng anh đã sống ly thân từ tháng 10/2023 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh cấm cản chị **Ka S** không được đi làm ở nhà nuôi con, còn anh sẽ kiếm tiền nuôi gia đình nhưng chị **Ka S** không nghe mà muốn đi học nghề, sau đó chị **Ka S** tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ ở, anh đã khuyên bảo nhiều lần nhưng chị **Ka S** không về. Nay chị **Ka S** xin ly hôn với anh, anh xác định vẫn còn tình cảm với chị **Ka S**, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái nên anh không đồng ý ly hôn với chị **Ka S**.

Về con chung: vợ chồng anh có con chung tên là **Trần Đình C1**, sinh ngày 30/8/2017, **Trần Thanh Bình C2**, sinh ngày 17/11/2019. Khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung. Anh không yêu cầu chị **Ka S** phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: vợ chồng anh không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng anh không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh **C** không trình bày gì thêm.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp hòa giải nhưng bị đơn anh **C** vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị **Ka S**, xử cho chị **Ka S** được ly hôn với anh **Trần Đình C**. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung tên là **Trần Đình C1**, sinh ngày 30/8/2017 và **Trần Thanh Bình C2**, sinh ngày 17/11/2019 cho anh **Trần Đình C** có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về việc cấp dưỡng nuôi con, anh **C** không có yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra

để giải quyết. Về tài sản chung, đương sự xác định không có tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra đề giải quyết. Về nợ chung, các đương sự xác định không có nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra đề giải quyết.

Về án phí: buộc chị **Ka S** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: nguyên đơn chị **Ka S** và bị đơn anh **Trần Đình C** vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất và có đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: bị đơn anh **Trần Đình C** cư trú: **thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng** nên theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: chị **Ka S** và anh **Trần Đình C** chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã S, huyện D, tỉnh Lâm Đồng** vào ngày 13/3/2018 nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị **Ka S**, Hội đồng xét xử nhận thấy: Qua xác minh thì vợ chồng chị **Ka S** và anh **C** thường xuyên xảy ra xô xát nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng chị **Ka S** và anh **C** là do anh **C** không chịu khó làm ăn để phát triển kinh tế gia đình, nhiều lần có hành vi bạo lực với chị **Ka S**. Mặc dù anh **C** không đồng ý ly hôn và có nguyện vọng đoàn tụ vợ chồng nhưng việc anh **C** tự ý bỏ ra về không tham gia phiên họp hòa giải ngày 18/3/2024 điều này chứng tỏ, anh **C** không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hơn nữa, vợ chồng anh **C**, chị **Ka S** cũng đã sống ly thân nhau một thời gian nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng không có sự cải thiện. Vì vậy, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân của anh, chị cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Hội đồng xét xử, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị **Ka S**, xử cho chị **Ka S** được ly hôn với anh **C** là hoàn toàn phù hợp.

[4] *Về con chung*: chị **Ka S** và anh **C** xác định vợ chồng có con chung tên là **Trần Đình C1**, sinh ngày 30/8/2017, **Trần Thanh Bình C2**, sinh ngày 17/11/2019. Khi ly hôn, chị **Ka S** đồng ý giao cả hai con chung cho anh **C** trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị không cấp dưỡng nuôi con.

Còn anh **C** cũng có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung. Anh **C** không yêu cầu chị **Ka S** phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, qua xác minh thì con chung là **Trần Đình C1**, sinh ngày 30/8/2017 và **Trần Thanh Bình C2**, sinh ngày 17/11/2019 từ nhỏ sống cùng với anh **C** và ông, bà nội. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định tâm sinh lý cho trẻ nên cần giao con chung

là **Trần Đình C1**, sinh ngày 30/8/2017 và **Trần Thanh Bình C2**, sinh ngày 17/11/2019 cho anh **C** có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[5] *Về tài sản chung*: chị **Ka S** và anh **C** xác định vợ chồng không có tài sản chung và thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[6] *Về nợ chung*: chị **Ka S** và anh **C** xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[7] *Về án phí*: buộc chị **Ka S** phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị **Ka S**, xử cho chị **Ka S** được ly hôn với anh **Trần Đình C**.

2. Về con chung: giao con chung tên là **Trần Đình C1**, sinh ngày 30/8/2017 và **Trần Thanh Bình C2**, sinh ngày 17/11/2019 cho anh **Trần Đình C** có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị **Ka S** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: buộc chị **Ka S** phải chịu 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 0004386 ngày 22/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Chị **Ka S** đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ, BP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hạnh